**BÀN VỀ VỊ THẾ TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP THÔNG QUA PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN.**

Sự canh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường đã gây ra những thách thức lớn cho doanh nghiệp, trong bối cảnh đó việc giữ vững vị trí của mình trên thương trường là điều cần thiết . Để thực hiện được điều này thì doanh nghiệp cần quan tâm đến vấn đề tài chính, đồng thời phải phân tích được tình hình tài chính thông qua một số yếu tố và chỉ tiêu cơ bản để khẳng định vị thế tài chính cũng như khả năng sinh lời và triển vọng phát triển của Doanh nghiệp.

Từ khóa: vị thế tài chính, tình hình tài chính.

1. **Các chỉ tiêu cơ bản sử dụng để phân tích vị thế tài chính của Doanh nghiệp**
   1. **Tỷ suất đầu tư**

Cũng giống như vị trí tài chính của cá nhân, vị thế tài chính của công ty được xác định bằng mối quan hệ tài sản và nguồn vốn trên bảng cân đối, thông thường các công ty sẽ xe xem xét sự thay đổi về tổng tài sản và nguồn vốn qua các chu kỳ kinh doanh - thường là 1 năm. Sự thay đổi này phản ánh sự thay đổi về quy mô tài chính của doanh nghiệp (Tuy nhiên đó chỉ đơn thuần là sự thay đổi về số lượng mà chưa giải thích gì về hiệu quả, chất lượng tài chính ). Đánh giá tổng tài sản tăng lên chủ yếu ở hạng mục nào và được hình thành từ nguồn nào (tăng lên ở khoản nợ hay vốn chủ sở hữu) . Đồng thời có thể dựa vào số liệu này để xác đinh kết cấu giữa tài sản và nguồn vốn thông qua tỷ suất đầu tư.

**Tỷ suất đầu tư = (Tài sản cố định + Đầu tư dài hạn) / Tổng tài sản**

Tỷ lệ này phản ánh đặc điểm khác nhau giữa các ngành nghề kinh doanh. Chính sách kinh doanh của doanh nghiệp ( có doanh nghiệp đầu tư tài sản, có doanh nghiệp không đầu tư mà đi thuê…). Tỷ lệ này thường cao ở các ngành khai thác, chế biến dầu khí (đến 90%), ngành công nghiệp nặng (đến 70%) và thấp hơn ở các ngành thương mại, dịch vụ (20%). Ngoài ra, tỷ lệ này cũng phản ánh mức độ ổn định sản xuất kinh doanh lâu dài. Tỷ lệ này tăng lên, phản ánh doanh nghiệp đang nỗ lực đầu tư cho một chiến lược dài hơn nhằm tìm kiếm lợi nhuận ổn định lâu dài trong tương lai.

* 1. **Tỷ suất thanh khoản**

Năng lực thanh toán của doanh nghiệp là năng lực trả được nợ đáo hạn của các loại tiền nợ của doanh nghiệp, là một tiêu chí quan trọng phản ánh tình hình tài chính và năng lực kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá một mặt quan trọng về hiệu quả tài chính của doanh nghiệp, thông qua việc đánh giá và phân tích về mặt này có thể thấy rõ những rủi ro tài chính của doanh nghiệp

**Khả năng thanh toán hiện hành =Tổng TSLĐ/Nợ ngắn hạn**

Khi giá trị của tỷ số này giảm có nghĩa là khả năng trả nợ của doanh nghiệp giảm và cũng là dấu hiệu báo trước những khó khăn tài chính tiềm tàng. Ngược lại, khi giá trị của tỷ số này cao hơn, có nghĩa là khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp tăng, là dấu hiệu đáng mừng. Tuy nhiên, khi giá trị của tỷ số này quá cao thì có nghĩa là doanh nghiệp đã đầu tư quá nhiều vào tài sản lưu động. Điều này có thể do sự quản trị tài sản lưu động còn chưa hiệu quả nên còn quá nhiều tiền mặt nhàn rỗi hoặc do quá nhìều nợ phải đòi v.v…làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Nói chung, tỷ số luân chuyển tài sản lưu động hay tỷ số thanh toán hiện hành trong khoảng 1 – 2 là vừa, nhưng trong thực tế khi phân tích tỷ số này cần kết hợp với đặc điểm ngành nghề khác nhau và các yếu tố khác như: cơ cấu tài sản lưu động của doanh nghiệp, năng lực biến động thực tế của tài sản lưu động. Có ngành có tỷ số này cao, nhưng cũng có ngành nghề có tỷ số này thấp, không thể nói chung chung được và cũng không thể dựa vào kinh nghiệm được….

Khả năng thanh toán nhanh = TSNH - Dự trữ tồn kho/ Nợ ngắn hạn

Tỷ số thanh toán nhanh thấp hơn năm trước có nghĩa là những thay đổi về chính sách tín dụng và cơ cấu tài trợ đã làm khả năng thanh toán của doanh nghiệp yếu đi, và ngược lại. Tuy nhiên, tỷ số này cũng cần tuỳ theo sự cần thiết của ngành: các ngành nghề khác nhau thì yêu cầu đối với tỷ số thanh toán nhanh cũng khác nhau. Ví dụ, các ngành dịch vụ thì cần tiêu thụ nhiều tiền mặt, các khoản cần thu lại tương đối ít, do đó cho phép duy trì tỷ số này thấp hơn 1. Ngoài ra, vì các khoản nợ của doanh nghiệp không thể tập trung thanh toán vào cùng một thời kỳ, nên tỷ suất thanh toán nhanh nhỏ hơn 1 không có nghĩa là không an toàn mà chỉ cần lượng tài sản lưu động nhanh lớn hơn những khoản nợ cần phải trả ngay trong kỳ gần nhất là có thể chứng tỏ rằng tính an toàn được đảm bảo.

* 1. **Giá trị số sách (Book Value)**

Là một trong những con số biểu thị quan trọng trong tài chính. Nó diễn tả phần tài sản còn lại sau khi lấy tổng tài sản trừ đi toàn bộ nghĩa vụ nợ và không bao gồm lãi của công ty.

**BV = ( Tổng tài sản - TSCĐ vô hình - Tổng nợ ) / Tổng số cổ phiếu lưu hành**  
Giá trị sổ sách dùng để chỉ tổng vốn cổ đông phổ thông (nắm giữ [c](http://archive.saga.vn/dictview.aspx?id=1131)ổ phiếu phổ thông ) của một công ty trên bảng cân đối kế toán. Nó được tính bằng tổng giá trị tài sản của công ty trừ đi tài sản vô hình (giá trị các phát minh, sáng chế, giấy phép khai thác, nhãn hiệu, bí quyết...), trừ đi khoản nợ phải trả bao gồm cả cổ phiếu ưu đãi... Giá trị ghi sổ cho biết giá trị tài sản công ty còn lại thực sự là bao nhiêu nếu ngay lập tức công ty rút lui khỏi kinh doanh. Vì giá trị ghi sổ là một thước đo rất chính xác giá trị của công ty, yếu tố không biến đổi quá nhanh, tương đối ổn định, nên nó là số liệu thích hợp để phân tích cho các nhà đầu tư, tức là mua cổ phiếu đúng giá trị để hưởng cổ tức hàng năm hơn là cho các nhà đầu cơ, người mua cổ phiếu rồi bán đi với giá đỉnh điểm để ăn chênh lệch.

## Hệ số giá ghi số trên giá thị trường (Market-to-Book Multiple ratio)

Hệ số giá ghi sổ trên giá thị truờng là chỉ tiêu để xác định giá trị thực sự của một công ty bằng cách so sánh giá trị kế toán (giá trị ghi sổ) với giá trị thị truờng của công ty đó. Giá trị kế toán được tính dựa trên những con số đã ghi nhận trên sổ kế toán, như giá trị tài sản cố định, tài sản lưu động hay tính toán qua nguồn vốn gồm có nguồn vốn chủ sở hữu vànợ phải trả. Đây là những tài sản đã được ghi nhận trong quá khứ, tức là từ khi công ty sở hữu tài sản này và theo nguyên tắc giá phí lịch sử thì nó được giữ nguyên đến khi tài sản đó mất đi. Do vậy có thể nói giá kế toán là tổng giá trị tài sản của công ty tính trong một thời kỳ nhất định, thường trong một niên độ kế toán, và nó chỉ thay đổi khi có sự thay đổi qui mô hay cơ cấu tài sản.

**Hệ số giá ghi sổ trên giá thị trường** = **Giá trị ghi sổ** / **Giá trị thị trường**

Hệ số này xác định giá cổ phiếu của công ty đang ở tình trạng trên giá trị hay dưới giá trị bằng cách so giá trị thị trường với giá trị ghi sổ. Nếu hệ số này lớn hơn 1 tức là giá trị ghi sổ lớn hơn giá thị trường vậy các nhà đầu tư đánh giá giá trị công ty dưới "giá trị lịch sử", tức là cổ phiếu giảm giá. Ngược lại nếu hệ số này nhỏ hơn 1 thì giá thị trường cao hơn giá kế toán, tức là giá cổ phiếu tăng. Các nhà đầu tư sử dụng hệ số này như một trong yếu tố để quyết định có đầu tư vào loại cổ phiếu đó hay không.

1. **Một số chỉ tiêu khác sử dụng để phân tích vị thế tài chính của Doanh nghiệp**
   1. **Chỉ số tăng trưởng tiềm năng**

Đây là các chỉ số cực kỳ có ý nghĩa với các cổ đông và nhà đầu tư để xem xét xem công ty đáng giá đến đâu và cho phép các chủ nợ dự đoán được khả năng trả nợ của các khoản nợ hiện hành và đánh giá các khoản nợ tăng thêm nếu có.

G = RR x  ROE

*Trong đó:*

RR = Tỷ lệ lợi nhuận giữ lại = 1 - (Cổ tức/ Tổng thu nhập ròng)

ROE = Thu nhập ròng/ Tổng vốn chủ sở hữu = (Thu nhập ròng/ Doanh thu) \* (Doanh thu/ Tổng tài sản) \* (Tổng tài sản/ Vốn cổ phần)

Tuy nhiên cần phải hết sức lưu ý rằng các chỉ số đứng một mình thì nó cũng không có nhiều ý nghĩa. Các nhà phân tích khi sử dụng các chỉ số tài chính cần phải kết hợp với nhiều yếu tố khác ví dụ như:

* **Chỉ số trung bình ngành:** So sánh công ty với trung bình ngành là dạng so sánh phổ biến hay gặp
* **So sánh trong bối cảnh chung của nền kinh tế:** Đôi khi cần phải nhìn tổng thể chu kỳ kinh tế, điều này sẽ giúp nàh phân tích hiểu và dự đoán được tình hình công ty trong các điều kiện thay đổi khác nhau của nền kinh tế, ngay cả trong giai đoạn nền kinh tế suy thoái.
* **So sánh với kết quả hoạt động trong quá khứ của doanh nghiệp:** đây cũng là dạng so sánh thường gặp. So sánh dạng này tương tự như phân tích chuỗi thời gian để nhìn ra khuynh hướng cho các chỉ số.
  1. **Chỉ số rủi ro kinh doanh**

Rủi ro kinh doanh được định nghĩa như là rủi ro liên quan đến những biến động trong doanh thu. Để đo lường rủi ro kinh doanh ngưòi ta dùng nhiều phương thức từ đơn giản đến phức tạp. Doanh thu thường gắn liền với chi phí và trong một môi trường có doanh số đang trên đà sụp giảm, một công ty có thể thua lỗ nếu công ty ấy sử dụng chi phí cố định quá nhiều. Do vậy việc hiểu được cấu trúc chi phí cố định của doanh nghiệp thật sự là điều cần thiết khi đánh giá rủi ro kinh doanh của doanh nghiệp đó. Một vài chỉ số thường được sử dụng là :

**Chỉ số biên lợi nhuận phân phối.**  
Chỉ số này cho biết phần lợi nhuận tăng thêm từ sự thay đổi của mỗi đô la trong doanh thu.   
Biên phân phối= 1 - (chi phí biến đổi/ doanh thu)  
Ví dụ: Nếu chỉ số biên phân phối lợi nhuận của công ty bằng 20%, sau đó nếu có sự sụp giảm $50.000 trong doanh thu thì sẽ có sự sụp giảm $10.000 trong lợi nhuận

**Chỉ số ảnh hưởng đòn bẩy kinh doanh ( OLE)**  
Chỉ số ảnh hưởng đòn bẩy kinh doanh ( OLE)= chỉ số Biên lợi nhuận phân phối/ phần trăm thay đổi trong thu nhập   
Ví dụ: Doanh nghiệp có OLE lớn hơn 1 thì sau đó đòn bẩy kinh doanh vẫn được duy trì. Nếu OLE bằng 1, sau đó tất cả các chi phí là biến đổi, vì vậy cứ 10% gia tăng trong doanh thu, thì ROA của công ty cũng gia tăng 10%

**2.3 Chỉ số** **Vòng quay vốn cổ phần**

Chỉ số này đo lường khả năng doanh nghiệp tạo ra doanh thu từ việc đầu tư vào tổng vốn cổ phần bao gồm cổ phần thường và cổ phần ưu đãi.

Vòng quay vốn cổ phần = Doanh thu thuần/ Tổng vốn cổ phần trung bình

Ví dụ: Tỷ số vòng quay vốn cổ phần bằng 3 có nghĩa là với mỗi đô la đầu tư vào vốn cổ phần, công ty sẽ tạo ra 3 đô la doanh thu.

1. **Kết luận**

Một doanh nghiệp tồn tại và phát triển vì nhiều mục tiêu khác nhau như: tối đa hoá lợi nhuận, tối đa hoá doanh thu trong ràng buộc tối đa hoá lợi nhuận, tối đa hoá hoạt động hữu ích của các nhà lãnh đạo doanh nghiệp …song tất cả các mục tiêu cụ thể đó đều nhằm mục tiêu bao trùm nhất là tối đa hoá giá trị tài sản cho các chủ sở hữu. **Chỉ số tài chính giúp nhà phân tích chỉ cần nhìn lướt qua các báo cáo tài chính cũng có thể tìm ra được xu hướng phát triển và vị thế tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời cũng giúp nhà đầu tư, các chủ nợ kiểm tra được tình hình sức khỏe tài chính của doanh nghiệp .**

**Tài liệu tham khảo:**

1. Ben McClure, MBA, University of Alberta's School , How to Analyze a Company's Financial Position.
2. <https://voer.edu.vn/m/ly-luan-chung-ve-hoat-dong-tai-chinh-va-phan-tich-tinh-hinh-tai-chinh-doanh-nghiep/222145a4>, truy cập ngày 5 tháng 8 năm 2017.